

Số: 6042 /BC-UBND

Cần Giờ, ngày 11 tháng 10 năm 2022

BÁO CÁO
Kết quả đánh giá cấp độ dịch Covid-19
theo Quyết định số 218/QĐ-BYT của Bộ Y tế
(tuần đánh giá từ ngày 03/10/2022 đến ngày 09/10/2022)

Căn cứ Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ ban hành quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19”;

Căn cứ Quyết định số 218/QĐ-BYT ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Bộ Y tế ban hành hướng dẫn tạm thời về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP về quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19”;

Căn cứ Công văn số 970/SYT-NVY ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Sở Y tế về quy trình đánh giá cấp độ dịch tại các địa phương trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ báo cáo cấp độ dịch Covid-19 trong tuần từ ngày 03/10/2022 đến ngày 09/10/2022 trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

- Xã Bình Khánh: **cấp 1** - nguy cơ thấp (bình thường mới);
- Xã An Thới Đông: **cấp 1** - nguy cơ thấp (bình thường mới);
- Xã Tam Thôn Hiệp: **cấp 1** - nguy cơ thấp (bình thường mới);
- Xã Lý Nhơn: **cấp 1** - nguy cơ thấp (bình thường mới);
- Xã Long Hòa: **cấp 1** - nguy cơ thấp (bình thường mới);
- Thị trấn Cần Thạnh: **cấp 1** - nguy cơ thấp (bình thường mới);
- Xã Thạnh An: **cấp 1** - nguy cơ thấp (bình thường mới);

(Đính kèm báo cáo chi tiết)

Trên đây là báo cáo kết quả đánh giá cấp độ dịch Covid-19 từ ngày 03/10/2022 đến ngày 09/10/2022 trên địa bàn huyện Cần Giờ.

Nơi nhận:

- Sở Y tế thành phố;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực Ủy ban nhân dân huyện;
- Thành viên BCĐ phòng chống, dịch bệnh;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;
- VP: CVP, PVP/TH;
- Lưu: VT, YT-Ho.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Xuân



UBND HUYỆN CẦN GIỜ
ĐÁNH GIÁ CẤP ĐỘ DỊCH (COVID-19) TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN
Theo Quyết định số 218/QĐ-BYT ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Bộ Y tế
(Đính kèm Báo cáo số 6042 /BC-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

Thời điểm đánh giá: Tuần thứ 41/2022 (03/10/2022-09/10/2022)

Xã, thị trấn	Dân số	Dân số > 50 tuổi	Số hộ	Chỉ số 1a		Chỉ số 1b				Chỉ số 1c			Chỉ số 2a				Chỉ số 2b			Chỉ số điều chỉnh mức độ dịch (2a + 2b)		Khả năng đáp ứng 3a			Khả năng đáp ứng 3b			Khả năng đáp ứng 3c			CẤP ĐỘ DỊCH		
				Số ca mắc mới trong tuần	Tỷ lệ mắc mới trong tuần/ 100.000 dân	Mức độ lây nhiễm theo 1a	Số ca thở oxy Trung Bình trong tuần	Tỷ lệ ca bệnh phải thở oxy Trung Bình trong tuần/ 100.000 dân	Mức độ lây nhiễm Theo 1b	Mức độ lây nhiễm (1a+1b)	Số ca tử vong mới trong tuần	Tỷ lệ số ca tử vong trong tuần/ 100.000 dân	Chỉ tiêu tỷ lệ số ca tử vong <= 6/100.000	Số mũi tiêm đủ mũi	Tỷ lệ tiêm đủ mũi VX (%)	Độ phủ VX (2a) (>=75%)	Số mũi 3 nguy cơ cao	Tỷ lệ tiêm đủ mũi VX (NCC) (%)	Độ phủ VX (2b) (>=90%)	Độ phủ VX (Phối hợp 2a+2b)	Mức độ lây nhiễm (Hiệu chỉnh theo chỉ số 2a + 2b)	TYT cổ định - TYT lưu động + Tổ COVID cộng đồng	Tỷ lệ sẵn sàng quản lý, chăm sóc/ 10.000 dân	Khả năng đáp ứng (3a)	Tỷ lệ giường bệnh dành cho BN Covid' 100.000 dân (QH đánh giá, áp dụng cho P/N)	Khả năng đáp ứng (3b)	Khả năng đáp ứng (3a+3b)	Tỷ lệ giường điều trị ICU có đủ NVYT phục vụ/ 100.000 dân (>=4/100.000 dân)	Khả năng đáp ứng (3c)	Hiệu chỉnh khả năng đáp ứng theo chỉ số 3c			
Chỉ số 1a	Chỉ số 1a	Chỉ số 1a	Chỉ số 1b	Chỉ số 1b	Chỉ số 1b	Chỉ số 1a+1b	Chỉ số 1c	Chỉ số 1c	Chỉ số 1c	Mũi 2 người 12-17	Mũi bổ sung và nhắc lại	Chỉ số 2a	Chỉ số 2a	Chỉ số 2b	Chỉ số 2b	Chỉ số 2b	Chỉ số 2a+2b		Chỉ số 3a	Chỉ số 3a	Chỉ số 3b	Chỉ số 3b	Chỉ số 3a+3b	Chỉ số 3c	Chỉ số 3c	Chỉ số 3a+3b+3c	Kiểm hợp Mức độ lây nhiễm + khả năng đáp ứng						
Huyện	75750	17498	19319	0	0.0	1	0	0.0	1	1	0	0.0	Đạt	7725	56505	84.79%	Đạt	16845	96.27%	Đạt	Đạt	1	47	1149.1	Cao	515	#REF!	Cao	20	đạt	Cao	1	1
Bình Khánh	22026	4497	5327	0	0.0	1	0	0.0	1	1	0	0.0	Đạt	2121	15459	79.81%	Đạt	4107	91.33%	Đạt	Đạt	1	11	863.5	Cao	515	#REF!	Cao	20	đạt	Cao	1	1
An Thới Đông	14253	3028	3592	0	0.0	1	0	0.0	1	1	0	0.0	Đạt	1490	11107	88.38%	Đạt	3028	100.00%	Đạt	Đạt	1	8	890.9	Cao	515	#REF!	Cao	20	đạt	Cao	1	1
Tam Thôn Hiệp	5946	1268	1544	0	0.0	1	0	0.0	1	1	0	0.0	Đạt	749	4333	85.47%	Đạt	1247	98.34%	Đạt	Đạt	1	6	1813.5	Cao	515	#REF!	Cao	20	đạt	Cao	1	1
Lý Nhơn	6339	1436	1530	0	0.0	1	0	0.0	1	1	0	0.0	Đạt	677	4951	88.38%	Đạt	1298	90.39%	Đạt	Đạt	1	5	1699.3	Cao	515	#REF!	Cao	20	đạt	Cao	1	1
Long Hòa	11582	2985	2930	0	0.0	1	0	0.0	1	1	0	0.0	Đạt	1086	8980	86.91%	Đạt	2861	95.85%	Đạt	Đạt	1	6	955.6	Cao	515	#REF!	Cao	20	đạt	Cao	1	1
Cần Thạnh	11026	3281	3201	0	0.0	1	0	0.0	1	1	0	0.0	Đạt	1249	8376	87.29%	Đạt	3315	101.04%	Đạt	Đạt	1	8	1249.6	Cao	515	#REF!	Cao	20	đạt	Cao	1	1
Thạnh An	4578	1003	1195	0	0.0	1	0	0.0	1	1	0	0.0	Đạt	353	3299	79.77%	Đạt	989	98.60%	Đạt	Đạt	1	3	1841.0	Cao	515	#REF!	Cao	20	đạt	Cao	1	1